

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/10/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh;

Ông Trần Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Long N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn AB, xã CA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Đặng Thị Ánh N1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn AB, xã CA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Long N trình bày: Anh N và chị N1 tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã CA, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 14/8/2008, sau khi kết hôn sống chung, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do hợp nhau nên vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc và đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay không còn tình cảm vợ chồng nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị N1. Về con chung, có 02 con chung là Trần Đăng Thùy D, sinh ngày 19/12/2009 và Trần Đăng Thùy A1, sinh ngày 16/4/2015, các con hiện nay được chị N1 nuôi nên anh N đồng ý để các con ở với chị N1 và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ để chị N1 nuôi 02 con chung. Về tài sản chung và nợ chung, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đặng Thị Ánh N1 trình bày trong hồ sơ có nội dung thể hiện: Chị N1 và anh N có thời gian tự nguyện chung sống và kết hôn tại UBND xã CA, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 14/8/2008. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do suy nghĩ khác nhau, cuộc sống kinh tế của

vợ chồng không ổn định nên không được hạnh phúc và đã ly thân nhau, không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa. Chị N1 cũng đồng ý thuận tình ly hôn với anh N. Về con chung, chị N1 trình bày có 02 con chung là Trần Đăng Thùy D, sinh ngày 19/12/2009 và cháu Trần Đăng Thùy A1, sinh ngày 16/4/2015 hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Chị N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ để chị nuôi 2 con. Về tài sản chung và nợ chung, chị N1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Anh Trần Long N yêu cầu ly hôn với Chị Đặng Thị Ánh N1, cư trú tại Thôn AB, xã CA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đặng Thị Ánh N1 đã đến Tòa án thị xã A làm việc và trình bày không có thời gian để đến Tòa án khi Tòa án giải quyết, xét xử vụ án nói trên nên chị N1 đã viết đơn xin vắng mặt vào ngày 25/8/2022. Vì thế, Tòa án tiến hành xét xử vụ án nói trên theo quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Long N và chị Đặng Thị A1 N1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh N và chị N1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa anh N và chị N1 có phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Trong bản khai ngày 25/8/2022 tại Tòa án nhân dân thị xã A, chị N1 khai cũng đồng ý thuận tình ly hôn với anh N nhưng do công việc làm ăn không có thời gian đến Tòa án và chị N1 viết đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị N1 đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh Trần Long N được ly hôn với chị Đặng Thị Ánh N1.

[4] Về con chung: Anh N và chị N1 có 02 con chung là Trần Đăng Thùy D, sinh ngày 19/12/2009 và cháu Trần Đăng Thùy A1, sinh ngày 16/4/2015, hiện đang được chị N1 nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và tại phiên tòa anh N cũng đồng ý giao các con cho chị N1 nuôi. Qua tham khảo ý kiến của các cháu D và cháu A1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N1; giao 02 con chung là cháu D và cháu A1 cho chị N1 tiếp tục nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh N trình bày tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng bắt đầu từ tháng 11/2022 để chị N1 nuôi 02 con cháu là cháu D và cháu A1. Đây là sự tự nguyện

của anh N đồng thời cũng phù hợp với yêu cầu của chị N1 và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và N vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng. Bị đơn chị N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Long N.

- **Về hôn nhân:** Anh Trần Long N được ly hôn với chị Đặng Thị A1 N1.

- **Về nuôi con:** Giao cho chị Đặng Thị Ánh N1 nuôi 02 con chung là Trần Đặng Thùy D, sinh ngày 19/12/2009 và cháu Trần Đặng Thùy A1, sinh ngày 16/4/2015 cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh Trần Long N, phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để chị N1 nuôi 02 con chung là cháu Trần Đặng Thùy D, sinh ngày 19/12/2009 và cháu Trần Đặng Thùy A1, sinh ngày 16/4/2015. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu D và cháu A1 thành niên và tự lực được.

- Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Đặng Thị A1 N1 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng nói trên, anh Trần Long N còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- **Về án phí:** Anh Trần Long N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011835 ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Anh N chỉ còn phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

- **Thời hạn kháng cáo:** Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/10/2022) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- UBND xã CA, TX. A (Đề ghi vào sổ hộ tịch; Kết hôn số 41, ngày 14/8/2008);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn